

Số: /TTr-SNNMT

Lạng Sơn, ngày tháng 9 năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15; Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy định biện pháp thi hành một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Thực hiện Công văn số 8639/VP-KTCN ngày 17/9/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giao khẩn trương phối hợp hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia. Trên cơ sở các nội dung được thống nhất tại cuộc họp xem xét, thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 (có Biên bản cuộc họp gửi kèm theo). Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, với những nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Nghị quyết số 46/2026/QH16 ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Quốc hội phê duyệt phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

- Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 quy định các nội dung:

(1) Tại điểm c khoản 3 Điều 2 quy định: “*Mức chi thực hiện các nội dung, nội dung thành phần của Chương trình thực hiện theo định mức, đơn giá, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, theo quy định pháp luật đấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Đối với các nội dung đặc thù riêng tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước*”.

(2) Tại Khoản 16, Điều 4 quy định: “*Chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với các nội dung thuộc các nội dung thành phần của Chương trình: Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện thực tế của từng dự án, kế hoạch, phương án, mô hình, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, cơ quan phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do địa phương thực hiện quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định*”.

(3) Tại Khoản 18, Điều 4 quy định: “*Đối với các hoạt động, nhiệm vụ, nội dung, mức chi chưa được quy định tại các văn bản hiện hành và tại Thông tư này, căn cứ hướng dẫn của Chủ trương trình và chủ nội dung thành phần, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo thẩm quyền hoặc*

phân cấp quyết định nội dung và mức chi cụ thể phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan”.

(4) Tại điểm b, Khoản 2, Điều 7 quy định: “*Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng nhiệm vụ, địa phương, khả năng ngân sách, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ cụ thể (đối với nhiệm vụ hỗ trợ do trung ương thực hiện); cơ quan phê duyệt nhiệm vụ (đối với nhiệm vụ hỗ trợ do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể nhưng không vượt **định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định***”.

- Thông tư số 02/2026/TT-BD TTG ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo Hướng dẫn một số nội dung Hợp phần thứ hai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

2. Cơ sở thực tiễn

Giai đoạn 2021-2025, thực hiện Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023), Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021-2025, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 Quy định nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, trong đó đã quy định cụ thể 17 nội dung, mức hỗ trợ các nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân bổ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh cho các nội dung thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới với tổng số vốn là 325.982 triệu đồng (gồm: vốn ngân sách Trung ương là 195.323 triệu đồng; vốn ngân sách tỉnh là 130.659 triệu đồng). Căn cứ nội dung quy định tại Nghị quyết, dự toán phân bổ hàng năm, các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nội dung, mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đảm bảo đúng nội dung, mức hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết.

Giai đoạn 2026-2030, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị quyết của Quốc hội (tích hợp 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 thành một Chương trình); tuy nhiên một số mức hỗ trợ thuộc các nội dung, nội dung thành phần của

Chương trình chưa được quy định cụ thể tại các văn bản, Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành; đồng thời theo Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, đối với một số nội dung tại Khoản 16 Điều 4, Khoản 18 Điều 4, điểm b Khoản 2 Điều 7 đã quy định: ***“định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”***. Do đó, cần có quy định đối với các mức hỗ trợ chưa được Trung ương quy định làm cơ sở pháp lý để tổ chức triển khai thực hiện nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.

Từ căn cứ pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn là cần thiết, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm quy định cụ thể mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, là cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đảm bảo thống nhất, đúng quy định.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Ngân sách và các quy định của pháp luật có liên quan.

Mức hỗ trợ được xây dựng đảm bảo theo đúng các quy định của Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan; các nội dung quy định phải đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Công văn số 1712/UBND-KTTH ngày 03/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Ngày 14/7/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Tờ trình số 394/TTr-SNNMT về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Công văn số 1919/UBND-KTCN ngày 21/7/2026 về tham mưu xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chủ động chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn. Sở đã ban hành Quyết định số 476/QĐ-SNNMT ngày 21/7/2026 thành lập Tổ soạn thảo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và tổ chức họp Tổ soạn thảo; Xin ý kiến góp ý đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết và tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị tại Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được gửi Sở Tư pháp thẩm định; Sở đã tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 990/BC-SNNMT ngày 6/8/2026 tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Thực hiện Thông báo số 662/TB-VP ngày 18/8/2026 của Văn phòng UBND tỉnh Kết luận của Lãnh đạo UBND tỉnh tại cuộc họp chuyên đề ngày 14/8/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo hồ sơ Nghị quyết theo ý kiến chỉ đạo.

Thực hiện Công văn số 8060/VP-KTCN ngày 29/8/2026 của Văn phòng UBND tỉnh về giao tham mưu rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp với các sở, ban, ngành rà soát, bổ sung nội dung, bổ sung thuyết minh, giải trình hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định lần 2 sau khi có Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh. Sở đã tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 1213/BC-SNNMT ngày 15/9/2026 báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (lần 2).

Thực hiện Công văn số 8639/VP-KTCN ngày 17/9/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giao khẩn trương phối hợp hoàn thiện dự thảo Nghị quyết

của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình MTQG. Ngày 18/9/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chủ trì tổ chức cuộc họp xem xét, thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2030; tại cuộc họp đã thống nhất các nội dung dự thảo Nghị quyết (*Chi tiết tại Báo cáo số 1232/BC-SNNMT, ngày 19/9/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường*). Trên cơ sở các nội dung đã được thống nhất tại cuộc họp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

1.2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tổ chức thực hiện, quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí chi thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 3 Điều, ban hành kèm theo Quy định với 03 Chương, 27 Điều, cụ thể:

- Chương I. Quy định chung: Gồm 3 Điều.
- Chương II. Nội dung hỗ trợ: Gồm 22 Điều.
- Chương III. Tổ chức thực hiện: Gồm 2 Điều.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

3.2.1. Điều 1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

3.2.2. Điều 2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tổ chức thực hiện, quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí chi thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc

thiếu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

3.2.3. Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ:

- Mức hỗ trợ quy định tại Quy định này là mức hỗ trợ tối đa từ nguồn kinh phí chi thường xuyên thực hiện Chương trình. Mức hỗ trợ cụ thể đối với từng nhiệm vụ, mô hình, dự án do cơ quan có thẩm quyền quyết định trên cơ sở dự toán chi tiết được phê duyệt, dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, khả năng cân đối nguồn kinh phí và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Mức hỗ trợ cụ thể không vượt mức tối đa do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định; việc quản lý, sử dụng kinh phí phải tuân thủ tiêu chuẩn, định mức, chế độ tài chính hiện hành; không hỗ trợ trùng lặp cùng một nội dung, cùng một đối tượng từ nhiều chương trình, đề án, dự án, chính sách sử dụng ngân sách nhà nước, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2.4. Điều 4. Hỗ trợ mô hình chợ đáp ứng các tiêu chí đảm bảo an toàn thực phẩm cấp xã (thuộc nội dung 06, nội dung thành phần 02)

- Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện xây dựng, nhân rộng mô hình chợ đáp ứng các tiêu chí bảo đảm an toàn thực phẩm cấp xã theo TCVN 11856:2017 được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tối đa 150.000.000 đồng/mô hình chợ.

- Hỗ trợ 100% kinh phí đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất nhằm xây dựng, nhân rộng mô hình chợ đáp ứng các tiêu chí bảo đảm an toàn thực phẩm cấp xã theo TCVN 11856:2017 - Chợ kinh doanh thực phẩm để đáp ứng các tiêu chí nông thôn mới theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 17/2026/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương theo dự án, kế hoạch, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tối đa 500.000.000 đồng/mô hình chợ.

3.2.5. Hỗ trợ triển khai các hoạt động thương mại điện tử (thuộc nội dung 06, nội dung thành phần 02) và đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ bảo đảm bền vững (thuộc nội dung 07, nội dung thành phần 03)

Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức thực hiện phiên livestream trên nền tảng thương mại điện tử theo định mức như sau:

a) Tối đa 80.000.000 đồng/phiên livestream do Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì tổ chức.

b) Tối đa 200.000.000 đồng/phiên livestream do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh chủ trì tổ chức.

3.2.6. Điều 6. Hỗ trợ cấp mã số rừng trồng (thuộc nội dung 03, nội dung thành phần 03): 100% kinh phí thực hiện; tối đa 400.000 đồng/ha.

3.2.7. Điều 7. Hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP thuộc nội dung 04, nội dung thành phần 03: 50% tổng kinh phí thực hiện; tối đa 200.000.000 đồng/điểm.

3.2.8. Điều 8. Hỗ trợ mô hình du lịch nông thôn (thuộc nội dung 06, nội dung thành phần 03): 70% tổng kinh phí thực hiện mô hình du lịch nông thôn

được cơ quan có thẩm quyền công nhận; tối đa 200.000.000 đồng/mô hình.

3.2.9. Điều 9. Hỗ trợ mô hình học tập cộng đồng (thuộc nội dung 01, nội dung thành phần 04)

a) Hỗ trợ giáo viên được Ủy ban nhân dân xã, phường phân công làm nhiệm vụ bán chuyên trách tại trung tâm học tập cộng đồng: 300.000 đồng/tháng/giáo viên.

b) Hỗ trợ cước viễn thông sử dụng để điều tra nhu cầu người học, tư vấn người dân đăng ký học: Tối đa 200.000 đồng/tháng/trung tâm học tập cộng đồng.

c) Hỗ trợ xây dựng video làm tài liệu dạy học trực tuyến được Ban Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng phê duyệt: Tối đa 1.000.000 đồng/video.

3.2.10. Điều 10. Hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề (trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng) cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị (thuộc nội dung 03, nội dung thành phần 04)

a) Chi phí đào tạo cho người học là lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, lao động nghèo khu vực đô thị; người học là lao động ở khu vực nông thôn: Tối đa 4.000.000 đồng/người/khóa học.

b) Tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo: 50.000 đồng/người/ngày thực học.

c) Tiền đi lại cho người lao động từ nơi ở hiện tại đến địa điểm đào tạo theo định mức như sau: 200.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú cách địa điểm đào tạo từ 15km trở lên; 300.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn cách địa điểm đào tạo từ 5km trở lên.

3.2.11. Điều 11. Hỗ trợ người lao động cư trú trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (thuộc nội dung 05, nội dung thành phần 04)

a) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của bên tiếp nhận lao động:

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề: Theo chi phí thực tế, tối đa 4.000.000 đồng/người/khóa học.

- Đào tạo ngoại ngữ: Theo mức cụ thể của từng khóa học và thời gian học thực tế, tối đa 4.000.000 đồng/người/khóa học.

b) Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng:

- Tiền ăn, sinh hoạt phí: 50.000 đồng/người/ngày.
- Tiền ở: 400.000 đồng/người/tháng.

c) Hỗ trợ tiền đi lại từ nơi cư trú đến địa điểm đào tạo: Theo định mức như sau: 200.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú cách địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên; 300.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn cách địa điểm đào tạo từ 5 km trở lên.

d) Hỗ trợ các thủ tục xuất cảnh để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

- Chi phí làm hộ chiếu: Theo mức quy định tại Thông tư số 28/2026/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam; Thông tư số 117/2026/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định miễn, giảm một số khoản phí, lệ phí để triển khai Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về phát triển công dân số. Mức hỗ trợ: Tối đa 200.000 đồng/người/lần cấp.

- Chi phí làm thị thực: Theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động. Mức hỗ trợ: Tối đa 4.000.000 đồng/người/lần cấp.

- Chi phí khám sức khỏe: Theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Mức hỗ trợ: Tối đa 750.000 đồng/người.

- Chi phí cấp phiếu lý lịch tư pháp: Theo mức quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; Thông tư số 117/2026/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định miễn, giảm một số khoản phí, lệ phí để triển khai Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về phát triển công dân số. Mức hỗ trợ: Tối đa 200.000 đồng/người/lần cấp.

3.2.12. Điều 12. Hỗ trợ mô hình “thôn thông minh” (thuộc nội dung 02, nội dung thành phần 06): Mức hỗ trợ: Tối đa 250.000 đồng/điểm/tháng.

3.2.13. Điều 13. Hỗ trợ mô hình tiêu dùng xanh, thân thiện môi trường, cộng đồng không rác thải nhựa và kinh tế tuần hoàn quy mô thôn, bản, cụm dân cư, hộ gia đình (thuộc nội dung 01, nội dung thành phần 07)

a) 70% tổng kinh phí thực hiện mô hình đối với quy mô hộ gia đình; tối đa 20.000.000 đồng/mô hình.

b) 70% tổng kinh phí thực hiện mô hình đối với quy mô thôn, bản, cụm dân cư; tối đa 200.000.000 đồng/mô hình.

3.2.14. Điều 14. Hỗ trợ mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; mô hình “nông nghiệp xanh” (thuộc nội

dung 03, nội dung thành phần 07): Mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ: 70% tổng kinh phí thực hiện mô hình; tối đa 350.000.000 đồng/mô hình.

3.2.15. Điều 15. Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình “Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc” (thuộc nội dung 01, nội dung thành phần 08)

Mức hỗ trợ:

a) Xây dựng mô hình: Tối đa 50.000.000 đồng/mô hình.

b) Duy trì mô hình: Tối đa 25.000.000 đồng/mô hình/năm.

3.2.16. Điều 16. Hỗ trợ triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”; Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”; Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030” (thuộc nội dung 02, nội dung thành phần 08)

a) Thành lập Câu lạc bộ “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi”: Tối đa 50.000.000 đồng/Câu lạc bộ.

b) Xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”:

- Thành lập mới mô hình chi, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp: Tối đa 50.000.000 đồng/mô hình.

- Tổng kết, rút kinh nghiệm, phổ biến nhân rộng mô hình: Tối đa 20.000.000 đồng/lần.

- Tổ chức đi thực tế học tập, trao đổi kinh nghiệm xây dựng mô hình hiệu quả ngoài tỉnh: Tối đa 50.000.000 đồng/cuộc.

c) Hỗ trợ nông dân tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp:

- Tư vấn, hướng dẫn, tuyên truyền, vận động thành lập mới Tổ hợp tác: Tối đa 10.000.000 đồng/Tổ hợp tác.

- Tư vấn, hướng dẫn, tuyên truyền, vận động thành lập mới Hợp tác xã: Tối đa 15.000.000 đồng/Hợp tác xã.

- Tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo để tuyên truyền, đánh giá chính sách: Tối đa 50.000.000 đồng/cuộc.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp: Tối đa 15.000.000 đồng/Tổ hợp tác, Hợp tác xã.

d) Hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất bảo đảm an toàn thực phẩm: Tối đa 50.000.000 đồng/mô hình.

3.2.17. Điều 17. Hỗ trợ triển khai Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035”; Đề án “Hỗ trợ Hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”; giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em (thuộc nội dung 03, nội dung thành phần 08)

Mức hỗ trợ:

a) Xây dựng mô hình “01 phụ nữ - 01 gia đình - 01 mô hình phát triển kinh tế”: Tối đa 30.000.000 đồng/mô hình.

b) Xây dựng cụm dự án sinh kế - hợp tác xã do phụ nữ quản lý tại tỉnh: Tối đa 200.000.000 đồng/cụm.

c) Xây dựng mô hình “Nhà an toàn cho phụ nữ và trẻ em”: Tối đa 30.000.000 đồng/mô hình.

3.2.18. Điều 18. Hỗ trợ thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an” (thuộc nội dung 04, nội dung thành phần 08)

Mức hỗ trợ:

a) Xây dựng mô hình gia đình “5 không, 3 sạch, 3 an”: Tối đa 50.000.000 đồng/mô hình.

b) Duy trì và nhân rộng mô hình gia đình “5 không, 3 sạch, 3 an”: Tối đa 5.000.000 đồng/mô hình.

3.2.19. Điều 19. Hỗ trợ Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 (thuộc nội dung 05, nội dung thành phần 08)

Mức hỗ trợ:

a) Thành lập mới đội hình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới: Tối đa 20.000.000 đồng/đội hình.

b) Duy trì đội hình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới: Tối đa 15.000.000 đồng/đội hình/năm.

3.2.20. Điều 20. Hỗ trợ mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, mô hình chuyển đổi số, mô hình camera AI giám sát an ninh khu vực nông thôn (thuộc nội dung 02, nội dung thành phần 09)

Mức hỗ trợ:

a) Xây dựng, thành lập, hoạt động của mô hình tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở: 100% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tối đa 20.000.000 đồng/mô hình.

b) Xây dựng mô hình chuyển đổi số theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030: 100% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tối đa 500.000.000 đồng/mô hình.

c) Xây dựng mô hình camera AI giám sát khu vực nông thôn đáp ứng QCVN 11:2026/BCA quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet - Các yêu cầu an ninh mạng cơ bản; đáp ứng QCVN “Camera giám sát sử dụng giao thức internet - Các yêu cầu an ninh cơ bản của Bộ Công an”: 100% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tối đa 1.000.000.000 đồng/mô hình.

3.2.21. Điều 21. Hỗ trợ đất ở theo hình thức xen ghép; xây mới nhà ở; sửa chữa nhà ở; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư cho đồng bào dân tộc thiểu số còn di cư tự do và ở những nơi cần thiết thuộc nội dung 06, nội dung thành phần 01

Mức hỗ trợ:

a) Kinh phí thực hiện bố trí đất ở theo hình thức xen ghép: 40.000.000 đồng/hộ.

b) Hỗ trợ xây mới nhà ở: 60.000.000 đồng/01 căn nhà.

c) Hỗ trợ sửa chữa nhà ở: 30.000.000 đồng/01 căn nhà.

d) Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng bố trí dân cư quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 02/2026/TT-BD TTG ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo: Theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2025-2030.

3.2.22. Điều 22. Hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển kinh tế lâm nghiệp, cộng đồng, hộ gia đình (thuộc nội dung 02, nội dung thành phần 02): 70% tổng kinh phí thực hiện mô hình; tối đa 800.000.000 đồng/mô hình.

3.2.23. Điều 23. Hỗ trợ ươm tạo mô hình khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp gắn với sản phẩm, ngành nghề, lợi thế địa phương; ưu tiên mô hình có sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị tiêu thụ sản phẩm hoặc có khả năng tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (thuộc nội dung 03, nội dung thành phần 02)

Mức hỗ trợ:

a) 50% chi phí đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất tại hiện trường; tối đa 30.000.000 đồng/khóa đào tạo; tối đa 05 khóa đào tạo/mô hình.

b) 100% chi phí thực hiện hợp đồng đặt hàng với các viện nghiên cứu, cơ

sở đào tạo để nghiên cứu, thử nghiệm phát triển sản phẩm, dịch vụ; tối đa 30.000.000 đồng/hợp đồng; tối đa 05 hợp đồng/mô hình.

c) 70% chi phí thiết kế bao bì, nhãn mác, quảng bá, xây dựng thương hiệu sản phẩm; tối đa 150.000.000 đồng/mô hình.

3.2.24. Điều 24. Hỗ trợ Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi”, “Tổ truyền thông cộng đồng”, “Địa chỉ tin cậy” tại cộng đồng, “Góc nữ sinh” (thuộc nội dung 03, nội dung thành phần 03)

Mức hỗ trợ:

a) Duy trì, củng cố hoạt động của Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi” và “Tổ truyền thông cộng đồng”: Tối đa 2.000.000 đồng/mô hình/năm.

b) Mô hình “Địa chỉ tin cậy” tại cộng đồng: Tối đa 3.000.000 đồng/địa chỉ/năm.

c) Xây dựng và duy trì mô hình “Góc nữ sinh”:

- Xây dựng mô hình “Góc nữ sinh”: Tối đa 20.000.000 đồng/mô hình.

- Duy trì mô hình “Góc nữ sinh”: Tối đa 2.000.000 đồng/mô hình.

3.2.25. Điều 25. Hỗ trợ các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù (thuộc nội dung 01, nội dung thành phần 04)

Mức hỗ trợ:

a) Phát triển sản xuất và sinh kế: Hỗ trợ trực tiếp theo hình thức trọn gói, tối đa 20.000.000 đồng/hộ/năm.

b) Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù:

- Khôi phục, phục dựng và bảo tồn nhạc cụ, trang phục, loại hình văn hóa, nghệ thuật, nghề truyền thống tiêu biểu: Tối đa 300.000.000 đồng/ngành/dân tộc.

- Thành lập và duy trì hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa dân gian, đội văn nghệ thôn, bản: Tối đa 20.000.000 đồng/đội/thôn, bản.

- Hỗ trợ trang thiết bị cho nhà sinh hoạt cộng đồng phù hợp với văn hóa truyền thống: Tối đa 50.000.000 đồng/thiết chế.

- Tổ chức các lễ hội truyền thống hàng năm; ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống, trình diễn trang phục của đồng bào các dân tộc: Tối đa 20.000.000 đồng/lần.

3.2.26. Điều 26. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương và nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình

mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

Nguồn vốn thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 (Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) không còn nhiệm vụ chi hoặc còn nhiệm vụ chi nhưng không thực hiện được, được cấp thẩm quyền cho chuyển sang thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình giai đoạn 2026 - 2030.

3.2.27. *Điều 27. Tổ chức thực hiện:* Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đối với nội dung tương ứng.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

1.1. Dự kiến nguồn lực:

Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương và nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030; Công văn số 7298/BNMT-VPĐP ngày 06/7/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo dự kiến tổng chi thường xuyên NSTW giai đoạn 05 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2026-2030 cho các tỉnh, thành phố, theo đó dự kiến tổng kinh phí thường xuyên nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030 bố trí cho tỉnh Lạng Sơn là 735.820 triệu đồng, dự kiến vốn đối ứng của tỉnh 37% là 272.253 triệu đồng, tổng vốn sự nghiệp giai đoạn 2026-2030 là 1.008 tỷ đồng, bình quân hàng năm khoảng 200 tỷ đồng.

Nguồn vốn thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 không còn nhiệm vụ chi hoặc còn nhiệm vụ chi nhưng không thực hiện được, được cấp thẩm quyền cho chuyển sang thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình giai đoạn 2026 -2030 theo quy định tại Khoản 1, Điều 21, Thông tư số 60/2026/TT-BTC.

Việc ban hành Nghị quyết quy định về một số mức hỗ trợ đối với các nội dung thuộc Chương trình chưa được Trung ương quy định để làm căn cứ cho các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện. Trên cơ sở rà soát các nội dung thực hiện, dự kiến tổng kinh phí thực hiện đối với các nội dung được quy định tại dự thảo Nghị quyết giai đoạn 2026-2030 khoảng trên 350 tỷ đồng (*Chi tiết tại Biểu dự kiến kinh phí kèm theo*).

1.2. Điều kiện bảo đảm: thực hiện theo đúng quy định của Nghị quyết và theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Dự kiến thời gian trình ban hành Nghị quyết

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp chuyên đề tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

VI. MỘT SỐ NỘI DUNG GIẢI TRÌNH LÀM RÕ

1. Về tên gọi dự thảo Nghị quyết

Ngày 14/7/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Tờ trình số 394/TTr-SNNMT đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1919/UBND-KTCN ngày 21/7/2026 về giao tham mưu xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan; đồng thời quá trình rà soát các nội dung cần quy định tại dự thảo Nghị quyết, có nhiều nội dung, nội dung thành phần của Chương trình cần quy định; để thuận tiện trong theo dõi các nội dung được quy định tại dự thảo Nghị quyết. Cơ quan dự thảo điều chỉnh tên dự thảo Nghị quyết theo Mẫu số 18 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ để phù hợp với bố cục về Chương, Điều, Khoản, điểm theo quy định; tên dự thảo Nghị quyết thành *“Nghị quyết ban hành Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”*.

2. Các nội dung Dự thảo Nghị quyết được bổ sung thêm sau thời điểm thẩm tra (lần 1) của Sở Tư pháp

Tại Dự thảo Nghị quyết trình thẩm định (lần 1) gồm 15 điều; tại Dự thảo Nghị quyết trình thẩm định (lần 2) gồm 22 điều (bổ sung thêm 07 Điều) cụ thể như sau:

(1) **Điều 5.** Hỗ trợ triển khai các hoạt động thương mại điện tử thuộc nội dung 06, nội dung thành phần 02 và đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ bảo đảm bền vững (thuộc nội dung 07, nội dung thành phần 03).

(2) **Điều 11.** Hỗ trợ người lao động cư trú trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (thuộc nội dung 05, nội dung thành phần 04).

(3) **Điều 16.** Hỗ trợ triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng

các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”; Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”; Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030” (*thuộc nội dung 02, nội dung thành phần 08*).

(4) **Điều 17.** Hỗ trợ triển khai Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035”; Đề án “Hỗ trợ Hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”; giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em (*thuộc nội dung 03, nội dung thành phần 08*).

(5) **Điều 18.** Hỗ trợ thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an” (*thuộc nội dung 04, nội dung thành phần 08*).

(6) **Điều 19.** Hỗ trợ chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới thuộc nội dung 05, nội dung thành phần 08.

(7) **Điều 24.** Hỗ trợ Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi”, “Tổ truyền thông cộng đồng”, “Địa chỉ tin cậy” tại cộng đồng, “Góc nữ sinh” (*thuộc nội dung 03, nội dung thành phần 03*).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030. Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(*Gửi kèm theo: (1) Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh; (2) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; (3) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết; (4) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; (6) các văn bản liên quan*).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, Dân tộc và Tôn giáo, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào Tạo, Công Thương, Nội vụ;
- Công an tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh, Hội LHPN tỉnh, Tỉnh đoàn;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, PTNT(HTT).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Chiến